BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP**

**XÂY DỰNG WEBSITE BÁN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Hải Triều,**

**Th.S Phạm Thị Kim Ngoan**

**Sinh viên thực hiện : Diệp Túy Dũng**

**Mã số sinh viên : 59130401**

Khánh Hòa, năm 2021



**CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP**

**XÂY DỰNG WEBSITE BÁN TRANG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Hải Triều**

**Sinh viên thực hiện : Diệp Túy Dũng**

**Mã số sinh viên : 59130401**

Khánh Hòa, năm 2021

**NHẬN XÉT**

(Của giảng viên phản biện)

**LỜI CẢM ƠN**

Trong quá trình hoàn thành bài báo cáo thực tập chuyên ngành của Khoa Công Nghệ Thông Tin ,em xin gửi lời cảm ơn chân thành và biết ơn sâu sắc đến:

Đầu tiên, em xin bày tỏ lòng biết ơn và gửi lời tri ân sâu sắc đến các thầy giáo, cô giáo của Khoa Công Nghệ Thông Tin – Trường Đại học Nha Trang đã tận tình giảng dạy, trang bị cho em những kiến thức cơ bản và cần thiết để rồi từ đó em có thể học hỏi thêm, trau dồi vốn kiến thức cũng như về phần kỹ năng để em có thể hoàn thành tốt chuyên đề tốt nghiệp “Xây dựng website bán trang thiết bị điện tử”

Điều thứ hai là em xin gửi lời cảm ơn đến Thầy giáo Th.S Nguyễn Hải Triều Thầy đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em trong suốt quá trình làm báo cáo chuyên đề tốt nghiệp. Nhờ sự chỉ bảo tận tình và kỹ lưỡng của Thầy, em đã có những định hướng tốt trong việc triển khai và thực hiện các yêu cầu mà đề cương đưa ra.

Tiếp theo là em xin chân thành cảm ơn tới gia đình, anh chị, bạn bè đã giúp đỡ, ủng hộ, động viên em trong suốt thời gian học tập và hoàn thành bài báo cáo.

Trong quá trình làm chuyên đề tốt nghiệp, do kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tiễn của bản thân còn hạn chế nên khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy, cô để em có thể hoàn chỉnh đồ án của mình tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, công nghệ thông tin là một trong những ngành có vị thế dẫn đầu và có vai trò rất lớn trong sự phát triển chung đó. Các ứng dụng của công nghệ thông tin được áp dụng trong mọi lĩnh vực nghiên cứu khoa học cũng như trong mọi lĩnh vực của đời sống. Là một phần của Công nghệ Thông tin, Công nghệ web đang có được sự phát triển mạnh mẽ và phổ biến rất nhanh bởi những lợi ích mà nó mang lại cho cộng đồng là rất lớn.

Bằng việc lựa chọn và thực hiện đề tài “**Xây dựng website bán trang thiết bị điện tử*”,*** em muốn tìm hiểu và đưa ra một giải pháp tốt nhằm giải quyết công việc bán hàng trực tuyến Website mang lại cho công ty rất nhiều lợi ich như: khả năng quảng cáo, phổ biến tên tuổi công ty rất nhanh trên môi trường mạng toàn cầu, việc kinh doanh sẽ mở 24/24, giảm thiểu chi phí nhân viên cho tiếp thị, quảng cáo, dễ dàng nhận phải hồi từ phía khách hàng, cơ hôi mở rộng liên kết và hợp tác ở phạm vi quốc tế...

Website bán hàng giúp cho cửa hàng cung cấp cho khách hàng những lựa chọn linh hoạt và tiện lợi trong việc tìm mua sản phẩm thông qua chức năng tìm kiếm và giỏ hàng. Các thông tin về sản phẩm được hiển thị chi tiết với từng sản phẩm, từ đó khách hàng dễ dàng nhận biết và lựa chọn được thứ mình cần. Về phía cửa hàng, hệ thống mang lại sự tiện dụng trong việc cập nhập và quản lý các thông tin cho website, tạo khả năng liên lạc nhanh và dễ dàng với khách hàng.

**MỤC LỤC**

# Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI

**LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI**

Trên thế giới hiện nay, ngành công nghiệp thương mại điện tử đã trở thành một trong những ngành kinh tế đứng hàng đầu thế giới. Nhiều trung tâm thương mai được xây dựng với những quy mô vừa và nhỏ trên thị trường thế giới

Chính nhờ vào sự phát triển của các phương tiện truyền thông nói chung cũng những là sự phát triển không ngừng của ngành công nghệ thông tin đã tạo cho con người những điều kiện giao tiếp qua lại với nhau trên các ứng dụng Internet. Việc mở rộng môi trường truyền thông ra toàn thế giới đã góp phần không ít đến với việc giới thiệu và quảng bá thông tin với mọi người một cách nhanh gọn, tiện lợi và hiệu quả . Do đó ngày Thương mai điện tử cũng không ngừng phát triển thông qua các dịch vụ Internet và đã nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp thương mại phổ biến trên toàn thế giới. Cùng với sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin đã giúp cho ngành thương mai điện tử rất lên với việc quảng cáo và giới thiệu sản phẩm đến với người tiêu dùng

Sự phát triển của thương mại điện tử không những tạo ra nhiều loại hình kinh doanh, nhiều cơ hội để phát triển những ngành nghề về kinh doanh sản phẩm và dịch vụ. Thương mai điện tử đây là một phương thức kinh doanh mới và mang tính hiệu quả công việc rất cao. Thương mại điện tử chuyển đổi qua lại các loại hình và chức năng kinh doanh, từ nghiên cứu thông tin sản phẩm từ thị trường bên ngoài và quy trình sản xuất sản phẩm đến bán hàng., các dịch vụ phương thức bán hàng điện tử hay truyền thông

Vì vậy tôi đã thực hiện chuyên đề “Xây dựng website bán trang thiết bị công nghệ” .Website được thiết kế bằng ngôn ngữ kịch bản PHP và hệ quản trị cơ sở đữ liệu MySQL.

**MỤC TIÊU ĐỀ TÀI**

Mục tiêu chung: Xây dựng website giúp khách hàng xem hàng và mua hàng online, người quản lý có thể dễ dàng quản lý hàng hóa và các hóa đơn, doanh thu của cửa hàng.

Mục tiêu cụ thể: Thiết kế website bán trang thiết bị điện tử có các chức năng sau:

Người dùng là khách hàng có thể đăng ký, đăng nhập hệ thống, chỉnh sửa thông tin cá nhân, xem các sản phẩm, tìm kiếm sản phẩm theo các tiêu chí, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, thêm sản phẩm ưa thích, chỉnh sửa số lượng sản phẩm trong giỏ hàng, khách hàng có thể đặt hàng và hủy đơn hàng đã đặt mà chưa được xử lý và khách hàng có thể bình luận và đánh giá sản phẩm

Người dùng là nhân viên có thể đăng nhập hệ thống, xử lý các đơn hàng, đổi mật khẩu.

Người dùng là Admin có thể đăng nhập hệ thống, xử lý các đơn hàng, chỉnh sửa thông tin hoặc thêm các sản phẩm, danh mục, thương hiệu, slider website và màu, quản lý lịch sử giao dịch và thêm, sửa, xóa, cấp quyền cho các tài khoản khác, thống kê số liệu mặt hàng và xuất hóa đơn, khi trong kho sắp hết sản phẩm. Hệ thống sẽ thông báo cho bên quản lý để quản lý biết để mà nhập thêm hàng hóa vào kho

Người không đăng nhập vào hệ thống chỉ có thể xem các sản phẩm, thêm sản phẩm vào giỏ hàng, không thể mua hàng khi chưa đăng nhập.

Xây dựng website bán trang thiết bị điện tử giúp khách hàng có thể đặt hàng online mà không phải đến cửa hàng, giúp giảm thiểu tối đa thời gian. Người quản lý có thể dễ dàng xử lý các đơn hàng và các sản phẩm của cửa hàng, website giúp lập báo cáo thống kê, tiết kiệm thời gian và nhân lực cho người quản lý.

**Chương 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT**

**NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH**

**Giới thiệu php**

**Ngôn ngữ php là ngôn ngữ lập trình kịch bản hay một loại mã lệnh chủ yếu để**

**Hypertext Preprocessor**, thường được viết tắt thành **PHP** là một [ngôn ngữ lập trình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_l%E1%BA%ADp_tr%C3%ACnh) kịch bản hay một loại [mã lệnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A3_l%E1%BB%87nh) chủ yếu được dùng để phát triển các [ứng dụng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A8ng_d%E1%BB%A5ng_web) viết cho máy chủ, [mã nguồn mở](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A7n_m%E1%BB%81m_ngu%E1%BB%93n_m%E1%BB%9F), dùng cho mục đích tổng quát. Nó rất thích hợp với [web](https://vi.wikipedia.org/wiki/Internet) và có thể dễ dàng nhúng vào trang [HTML](https://vi.wikipedia.org/wiki/HTML). Do được tối ưu hóa cho các [ứng dụng web](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A8ng_d%E1%BB%A5ng_web), tốc độ nhanh, nhỏ gọn, cú pháp giống [C](https://vi.wikipedia.org/wiki/C_(ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_l%E1%BA%ADp_tr%C3%ACnh)) và [Java](https://vi.wikipedia.org/wiki/Java_(ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_l%E1%BA%ADp_tr%C3%ACnh)), dễ học và thời gian xây dựng sản phẩm tương đối ngắn hơn so với các ngôn ngữ khác nên PHP đã nhanh chóng trở thành một [ngôn ngữ lập trình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF_l%E1%BA%ADp_tr%C3%ACnh) web phổ biến nhất thế giới.

**Ưu điểm của php**

* Miễn phí

Đầu tiên là PHP được sử dụng miễn phí. Đây là lợi ích lớn cho những cá nhân muốn học lập trình này. Chúng ta có thể vừa học lý thuyết và vừa thực hành lập trình php trên các trang web. Mọi chi phí cho việc học lập trình điều là miễn phí cả

* Dễ học hơn những ngôn ngữ khác

Cấu trúc câu lệnh và cú pháp của php rất đơn giản và dễ hiểu , ngôn ngữ này rất phù hợp cho những người mới bắt đầu học lập trình

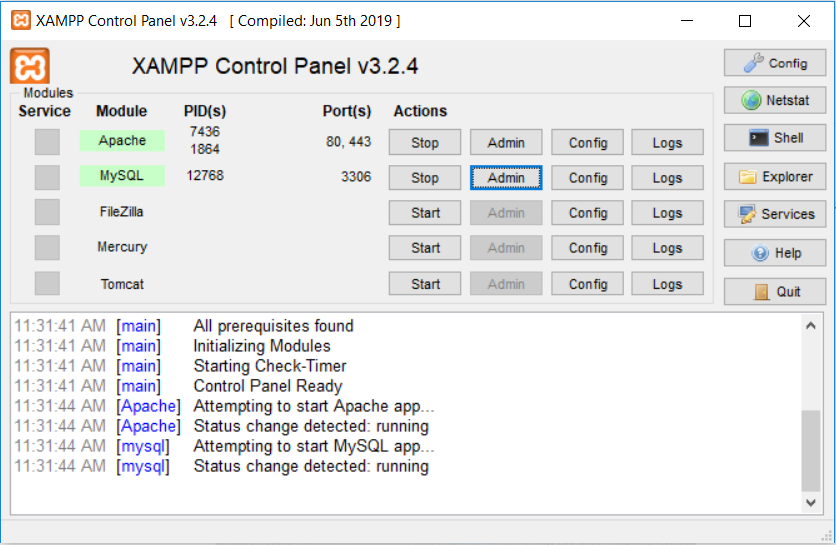
* Thư viện phong phú và chất lượng, cộng đồng hỗ trợ mạnh mẽ

Bạn có thể tìm được nhiều tài lệu php một cách dễ dàng, nhanh chóng và hiệu quả.Khi bạn lập trình php mà bị lỗi. Nếu bạn sửa lỗi ấy không được thì bạn có thể hỏi cộng đồng lập trình php đó để giải quyết thắc mắc đó cho bạn

* Cơ hội việc làm cực lớn, mức lương khá cao

Lập trình php hiện nay là su hướng trên thế giới , nhiều nền tảng thương mai diện tử lớn đều được xây dựng bằng ngôn ngữ php. Việc làm của mọi người ngày càng được mở rộng

**Cài đặt web server**

* Xampp là một server ảo được tích hợp sẳn PHP, MySql, Apache và một số công cụ khác như phpMyAdmin. Phần mềm xampp tương thích trên đa nền tảng như Windows, Mac, Linux
* Download XAMPP và cài đặt XAMPP như các phềm mềm khác
* Sau khi cài đặt xong, chọn Start Apache và MySQL để chạy localhost

**Hình 1.1 Giao diện xampp**

* Ở đây, người dùng muốn đổi cổng cho Apache khi bị xung đột về cổng với một ứng dụng khác đã có trên máy tính .Đẻ giải quyết sự xung đột về công đó ta giải quyết bằng cách vào Apache (httpd.conf). Sau đó Stop Apache và Start lại.

**A screenshot of a social media post

Description automatically generated**

**Hình 1.2 Đổi cổng cho Apache**

**Cú pháp cơ bản**

Cũng giống với các ngôn ngữ lập trình. Ngôn ngữ PHP cũng có thẻ đúng và thẻ mở

* *Mở và đóng đoạn code php:*

<?

php Phần code php

?>

* *Coment trong php*

// Đây là comment 1 dòng code

# Đây cũng là commnet 1 dòng code

/\*

Dòng code 1

Dòng code 2 …

Dòng code n

\*/ Đây là cách comment một đoạn code

* *Để xuất dữ liệu ra trình duyệt chúng ta có những dòng cú pháp sau:*

+ echo “thông tin”;

+ printf “thông tin”;

Thông tin bao gồm: biến, chuỗi, hoặc lệnh HTML,…

Nếu giữa 2 chuỗi muốn liên kết với nhau ta sử dụng dấu “.”

* **Biến, hằng, chuỗi và các kiểu dữ liệu:**
* *Biến trong php*

Khai báo biến trong php

Ví dụ

<?php

$sinhvien =’’;

$SinhViên=”;

?>

Php là ngôn ngữ có phân biệt chữ hoa và chữ thường

Gán giá trị cho biến

Ví dụ

$Helloworld=chào bạn”;

Biến được xem là vùng nhớ dữ liệu tạm thời. Và giá trị có thể thay đổi được. Biến được bắt đầu bằng ký hiệu “$”. Và theo sau chúng là một từ, hoặc một cụm từ nhưng phải viết liền hoặc có gạch dưới.

Một biến được xem là hợp lệ khi nó thỏa các yếu tố:

* Tên của biến phải bắt đầu bằng dấu gạch dưới, và theo sau là các ký tự, số, hay dấu gạch dưới.
* Tên của biến không được phép trùng với tên của các từ khóa trong PHP.
* Trong PHP  khi sử dụng một biến chúng ta cần khai báo trước. Tuy nhiên đối với các lập trình viên, khi sử dụng họ sử dụng cùng lúc các công việc, nghĩa là vừa khai báo, vừa gán dữ liệu cho biến.
* Bản thân biến cũng có thể gán dữ liệu cho các kiểu dữ liệu khác. Và theo ý định của người lập trình mong muốn trên chúng.
* *Hằng trong php*

Khai báo hằng

* Define(‘ten\_hang’,’gia\_tri’);
* define: hàm tạo biến hằng
* ten\_hang: là tên biến hằng
* gia\_tri: giá trị của hằng

Nếu biến là cái chúng ta có thể thay đổi được thì ngược lại hằng là cái chúng ta không thể thay đổi được. Hằng trong PHP được định nghĩa bởi hàm define theo cú pháp: define (string tên\_hằng, giá\_trị\_hằng).

Cũng giống với biến hằng được xem là hợp lệ thì chúng ta phải đáp ứng một số yếu tố:

Hằng không có dấu “$” ở trước tên.

* Hằng có thể truy cập bất cứ vị trí nào trong mã lệnh.
* Hằng chỉ được phép gán giá trị duy nhất một lần.
* Hằng thường được viết bằng chữ in để phân biệt với biến.
* *Chuỗi trong php*

Chuỗi là một nhóm các ký tự, khoảng trắng, dấu ngắt được đặt trong các dấu nháy.

Ví dụ:  “Welcome to Việt Nam”.

Để tạo một biến chuỗi, chúng ta cần phải gán giá trị chuỗi cho 1 biến hợp lệ.

Ví dụ: $fisrt\_name= “Hello”; $last name= “Word”;.

Để liên kết một chuỗi và một biến chúng ta thường dùng dấu “.”.

* **Phương thức trong php**

Có 2 phương thức được sử dụng trong lập trình PHP là GET và POST.

* *Phương thức GET*

Phương thức GET là phương thức gửi dữ liệu thông qua đường dẫn URL nằm trên thanh địa chỉ của Browser. Server sẽ nhận đường dẫn đó và phân tích trả về kết quả cho bạn. Server sẽ phân tích tất cả những thông tin đằng sau dấu hỏi (?) chính là phần dữ liệu mà Client gửi lên..

**Ví dụ:**Với URL freetuts.net?id=12thì Server sẽ nhận được giá trị id = 12

* *Phương thức POST*

Phương thức POST có tính bảo mật hơn vì dữ liệu gửi phải thông qua một form HTML nên nó bị ẩn, nghĩa là chúng ta không thể thấy các giá trị đó được.

Với phương thức GET thì dữ liệu được thấy trên URL thì phương thức POST thì hoàn toàn ngược lại, POST sẽ gửi dữ liệu qua một cái form HTML và các giá trị sẽ được định nghĩa trong các input gồm các kiểu (textbox, radio, checkbox, password, textarea, hidden) và được nhận dang thông qua tên (name) của các input đó.

* **Session trong php**

Một cách khác quản lý người sử dụng là Session. Session được hiểu là một khoảng thời gian người sử dụng giao tiếp với một ứng dụng. Một Session được bắt đầu khi người sử dụng truy cập vào ứng dụng lần đầu tiên, và kết thúc khi người sử dụng thoát khỏi ứng dụng. Mỗi Session sẽ được cấp một ID khác nhau.

Để thiết lập một Session ta sử dụng cú pháp: session\_start(). Đoạn code này phải được nằm trên các kịch bản HTML. Để thiết lập một giá trị Session, ngoài việc cho phép bắt đầu thực thi Session. Chúng ta còn phải đăng ký một giá trị Session. Để tiện cho việc gán giá trị cho Session đó.

Ta có cú pháp như sau: session\_register(“name”)

* Để sử dụng giá trị Session ta sử dụng mã lệnh:

Cú pháp: Session[“ name”]

Với name là tên mà chúng ta sử dụng hàm Session\_register(“name”) để khai báo.

* Để hủy bỏ giá trị của Session ta có những cách sau:

session\_destroy() // Cho phép hủy bỏ toàn bộ giá trị của Session.

session\_unset()// Cho phép hủy bỏ Session.

* **Hàm trong php**

Để giảm thời gian lập lại một thao tác code nhiều lần, PHP hỗ trợ người lập trình việc tự định nghĩa cho mình những hàm có khả năng lặp lại nhiều lần trong websize. Việc này cũng giúp cho người lập trình kiểm soát mã nguồn một cách mạch lạc. Đồng thời có thể tùy biến ở mọi trang. Mà không cần phải khởi tạo hay viết lại mã lệnh như HTML thuần.

* *Hàm tự định nghĩa:*

Cú pháp:

function function\_name()

{

//Lệnh thực thi

}

Tên hàm có thể là một tở hợp bất kỳ các chữ cái, con số và dấu gạch dưới. Nhưng phải bắt đầu từ chữ cái và dấu gạch dưới.

* *Hàm tự định nghĩa với các tham số:*

function function\_name($gt1,$gt2)

{

//Lệnh thực thi

}

* *Hàm tự định nghĩa với giá trị trả về:*

function function\_name(có hoặc không có đối số)

//Lệnh thực thi return giatri;

}

* *Gọi lại hàm:*

PHP cung cấp nhiều hàm cho phép triệu gọi lại file. Như hàm include(“URL đến file”), require(“URL Đến file”).

Ngoài 2 cú pháp trên còn có include\_once(), require\_once(). Hai hàm này cũng có trách nhiệm gọi lại hàm, nhưng chúng sẽ gọi lại duy nhất một lần mà thôi.

* **Kết hợp PHP và MySql trong ứng dụng websize:**

Kết nối cơ sở dữ liệu: mySql\_connect(“hostname”, “user”, “pass”);

Lựa chọn cơ sở dữ liệu: mySql\_select\_db(“tên CSDL”);

Thực thi câu lệnh truy vấn: mySql\_query(“câu truy vấn ở đây”);

Đếm số dòng dự liệu trong bảng: mySql\_num\_rows();

Lấy dữ liệu từ bảng đưa vào mảng: mySql\_fetch\_array();

Đóng kết nối CSDL: mySql\_close();

**HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU MYSQL**

**Giới thiệu mysql**

MySQL là [hệ quản trị cơ sở dữ liệu](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_qu%E1%BA%A3n_tr%E1%BB%8B_c%C6%A1_s%E1%BB%9F_d%E1%BB%AF_li%E1%BB%87u) [mã nguồn mở](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A7n_m%E1%BB%81m_ngu%E1%BB%93n_m%E1%BB%9F)  tự do, phổ biến nhất thế giới và đượ trong quá trình phát triển ứng dụng. Vì MySQL là cơ sở dữ liệu quan hệ mang tính tốc độ cao, ổn định và tiện sử dụng, có khả năng dễ dàng chuyển đổi, chạy trên nhiều hệ điều hành. MySql cung cấp một loại các hàm tiện lợi rất manh so với các hệ quản trị khác

MySql là một Hệ Quản trị Cơ sở dữ liệu quan hệ dùng ngôn ngữ SQL để truy vấn

MySQL được sử dụng cho việc bổ trợ NodeJs, [PHP](https://vi.wikipedia.org/wiki/PHP), [Perl](https://vi.wikipedia.org/wiki/Perl), và nhiều ngôn ngữ khác, làm nơi lưu trữ những thông tin trên các trang web viết bằng NodeJs, PHP hay Perl,...

**Ưu điểm của mysql**

* **Khả năng mở rộng và tính linh hoạt**

MySql mở rộng cung cấp khả năng xửa lý các ứng dụng chứa dữ liệu khổng lồ. MySql tương thích với mọi nền tảng của Linux,UNIT, Windows. Là ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở nên MySql cho phép tùy chỉnh, đưa ra các các yêu vầu đề nghị đọc lạ về hệ quan trị cơ sở dữ liệu

* **Hiệu năng cao**

Kiến trúc bộ nhớ lưu trữ duy nhất cho phép các chuyên gia cơ sở dữ liệu cấu hình máy chủ cơ sở dữ liệu MySQL cụ thể cho các ứng dụng cụ thể với kết quả cuối cùng là kết quả thực hiện tuyệt vời. Cho dù ứng dụng dự định là một hệ thống xử lý giao dịch tốc độ cao hay một trang web có dung lượng lớn, nó phục vụ hàng tỷ truy vấn một ngày, MySQL có thể đáp ứng được yêu cầu về yêu cầu của bất kỳ hệ thống nào. Với các tiện ích tải tốc độ cao, bộ nhớ cache đặc biệt, các chỉ mục văn bản đầy đủ và các cơ chế nâng cao hiệu suất khác, MySQL cung cấp tất cả các đạn đúng cho các hệ thống kinh doanh quan trọng hiện nay.

* **Tính sẵn sàng cao**

MySQL cung cấp nhiều tùy chọn tính sẵn sàng cao từ các cấu hình nhân bản / nô lệ tốc độ cao, đến các máy chủ Cluster chuyên cung cấp failover tức thời cho các nhà cung cấp bên thứ ba cung cấp các giải pháp có tính sẵn sàng cao cho máy chủ cơ sở dữ liệu MySQL.

* **Hỗ trợ giao dịch mạnh mẽ**

MySQL cung cấp một trong những công cụ cơ sở dữ liệu giao dịch mạnh mẽ nhất trên thị trường. Các tính năng bao gồm hỗ trợ giao dịch ACID (nguyên tử, nhất quán, riêng biệt, bền), khóa cấp hàng không giới hạn, khả năng giao dịch phân tán và hỗ trợ giao dịch nhiều phiên bản, nơi độc giả không bao giờ chặn người viết và ngược lại. Toàn vẹn dữ liệu cũng được đảm bảo thông qua tính toàn vẹn tham chiếu do máy chủ thực hiện, mức cô lập giao dịch chuyên biệt và phát hiện bế tắc tức thì.

* **Điểm mạnh của Web và Data Warehouse**

MySQL là tiêu chuẩn cho các trang web có lưu lượng truy cập cao do công cụ truy vấn hiệu suất cao của nó, khả năng chèn dữ liệu nhanh chóng và hỗ trợ mạnh mẽ các chức năng web chuyên dụng như tìm kiếm toàn văn nhanh. Những điểm mạnh tương tự cũng áp dụng cho các môi trường lưu trữ dữ liệu, nơi MySQL tăng lên phạm vi terabyte cho các máy chủ đơn hoặc các cấu trúc cân bằng. Các tính năng khác như các bảng bộ nhớ chính và các bảng lưu trữ nén giảm yêu cầu lưu trữ lên đến tám mươi phần trăm làm cho MySQL trở thành một điểm nổi bật cho cả ứng dụng web thông minh. 18

* **Bảo vệ dữ liệu mạnh mẽ**

MySQL cung cấp các tính năng bảo mật đặc biệt đảm bảo bảo vệ dữ liệu tuyệt đối. Về cơ sở dữ liệu xác thực, MySQL cung cấp các cơ chế mạnh mẽ để đảm bảo chỉ những người có thẩm quyền mới có quyền truy cập vào máy chủ cơ sở dữ liệu, với khả năng chặn người dùng đến mức máy khách là có thể. Khung đặc quyền đối tượng dạng hạt có mặt để người dùng chỉ nhìn thấy dữ liệu mà họ cần và các chức năng mã hoá và giải mã dữ liệu mạnh mẽ đảm bảo rằng dữ liệu nhạy cảm được bảo vệ khỏi việc xem trái phép. Cuối cùng, Các tiện ích sao lưu và phục hồi được cung cấp thông qua MySQL và các nhà cung cấp phần mềm của bên thứ ba cho phép sao lưu hợp lý và vật lý đầy đủ cũng như phục hồi đầy đủ và thời điểm.

* **Phát triển ứng dụng toàn diện**

Một trong những lý do MySQL là cơ sở dữ liệu mã nguồn mở phổ biến nhất trên thế giới là nó cung cấp hỗ trợ toàn diện cho mọi nhu cầu phát triển ứng dụng. Trong cơ sở dữ liệu, hỗ trợ có thể được tìm thấy cho thủ tục lưu trữ, kích hoạt, chức năng, quan điểm, con trỏ, ANSI-SQL tiêu chuẩn, và nhiều hơn nữa. Đối với các ứng dụng nhúng, thư viện trình cắm thêm có sẵn để nhúng hỗ trợ cơ sở dữ liệu MySQL vào gần như bất kỳ ứng dụng nào. MySQL cũng cung cấp kết nối và trình điều khiển (ODBC, JDBC, vv) cho phép tất cả các hình thức ứng dụng để sử dụng MySQL như là một máy chủ quản lý dữ liệu ưa thích. Nó không quan trọng nếu nó là PHP, Perl, Java, Visual Basic, hoặc. NET, MySQL cung cấp cho các nhà phát triển ứng dụng tất cả những gì họ cần để thành công trong việc xây dựng các hệ thống thông tin dựa trên cơ sở dữ liệu.

* **Quản lý dễ**

MySQL cung cấp khả năng bắt đầu nhanh chóng đặc biệt với thời gian trung bình từ tải phần mềm đến khi hoàn thành cài đặt chưa đầy mười lăm phút. Quy tắc này đúng cho dù nền tảng này là Microsoft Windows, Linux, Macintosh hay UNIX. Sau khi cài đặt, các tính năng tự quản lý như mở rộng không gian tự động, tự động khởi động lại và các thay đổi cấu hình động chiếm rất nhiều gánh nặng của các quản trị viên cơ sở dữ liệu quá tải. MySQL cũng cung cấp một bộ công cụ quản lý và chuyển đổi đồ họa cho phép DBA quản lý, khắc phục sự cố và kiểm soát hoạt động của nhiều máy chủ MySQL từ một máy trạm duy nhất. Nhiều công cụ cung cấp phần mềm của bên thứ ba 19 cũng có sẵn cho MySQL để xử lý các nhiệm vụ khác nhau, từ thiết kế dữ liệu và ETL, để hoàn thành quản trị cơ sở dữ liệu, quản lý công việc và theo dõi hiệu suất.

* **Chi phí sở hữu thấp nhất**

Bằng cách di chuyển các ứng dụng cơ sở dữ liệu hiện tại sang MySQL, hoặc sử dụng MySQL cho các dự án phát triển mới, các tập đoàn đang thực hiện tiết kiệm chi phí, nhiều lần kéo dài thành bảy con số. Được hoàn thành thông qua việc sử dụng máy chủ cơ sở dữ liệu MySQL và các cấu trúc mở rộng sử dụng phần cứng hàng hoá chi phí thấp, các tập đoàn đang tìm kiếm rằng họ có thể đạt được mức độ khả năng mở rộng đáng kinh ngạc và hiệu suất, tất cả với chi phí ít hơn nhiều so với các sản phẩm được cung cấp bởi độc quyền và các nhà cung cấp phần mềm quy mô lớn. Ngoài ra, độ tin cậy và khả năng bảo trì dễ dàng của MySQL có nghĩa là các quản trị viên cơ sở dữ liệu không lãng phí thời gian khắc phục sự cố hoặc các vấn đề thời gian chết mà có thể tập trung vào việc tạo ra tác động tích cực lên các nhiệm vụ cấp cao hơn liên quan đến dữ liệu kinh doanh.

**Nhược điểm của mysql**

* **Giới hạn**

Theo thiết kế, MySQL không có ý định làm tất cả và nó đi kèm với các hạn chế về chức năng mà một vào ứng dụng có thể cần.

* **Độ tin cậy**

Cách các chức năng cụ thể được xử lý với MySQL (ví dụ tài liệu tham khảo, các giao dịch, kiểm toán,...) làm cho nó kém tin cậy hơn so với một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ khác.

* **Phát triển chậm**

Mặc dù MySQL vẫn là một sản phẩm công nghệ mã nguồn mở phổ biến nhưng có những phàn nàn liên quan đến quá trình phát triển kể từ khi nó được mua lại.

**Cú pháp cơ bản**

* **Cú pháp tạo Database**

Để tạo một cơ sở dữ liệu trong trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ MySQL, bạn sử dụng câu lệnh dưới đây:

CREATE DATABASE database\_name;

Ví dụ: Tạo mới một cơ sở dữ liệu có tên là onlineshop

CREATE DATABASE onlineshop;

Trong MySQL để chọn một cơ sở dữ liệu nào đó ta sẽ sử dụng cú pháp sau:

Ví dụ: Để sử dụng cơ sở dữ liệu onlineshop ta dùng câu lệnh như sau:

Use onlineshop

* **Câu lệnh tạo bảng**

Để tạo một bảng trong cơ sở dữa liệu quan hệ MySQL, chúng ta sử dụng câu lệnh dưới đây:

CREATE TABLE table\_name ( column\_name1 data\_type(size), column\_name2 data\_type(size), column\_name3 data\_type(size), .... );

Trong đó:

table\_name là tên của bảng mà bạn muốn tạo.

column\_name1 là tên cột thứ nhất của bảng. (Tương tự: column\_name2 và column\_name3 lần lượt là tên cột thứ hai và cột thứ ba).

data\_type là kiểu dữ liệu của cột.

size là kích thước tối đa của kiểu dữ liệu của cột.

* **Cú pháp thêm dữ liệu vào bảng**

INSERT INTO table\_name (column1,column2,column3)

VALUES (value1,value2,value3);

Trong đó:

column1, column2, column3 lần lượt là tên của cột 1, cột 2, cột 3.

value1, value2, value3 lần lượt là giá trị của cột 1, cột 2, cột 3.

* **Cú pháp xóa**

Để xóa database ta sử dụng cú pháp:

DROP DATABASE db\_name;

Ví dụ:  DROP DATABASE PRODUCT;

Để xóa bảng ta sử dụng cú pháp:

DROP TABLE tb\_name;

Ví dụ:  DROP TABLE brand;

* **Câu Lệnh truy xuất dữ liệu**

Khi bạn muốn truy xuất dữ liệu (lấy dữ liệu) của một bảng nào đó, chúng ta có 2 cú pháp:

*Cú pháp 1:*

SELECT \* FROM name\_table;

Cú pháp này sẽ truy xuất tất cả dữ liệu của bảng có tên là name\_table.

Lưu ý: Dấu sao (\*) có nghĩa là chọn hết các cột của bảng.

*Cú pháp 2:*

SELECT name\_column1, name\_column2 FROM name\_table;

Cú pháp này sẽ truy xuất tất cả dữ liệu của hai cột có tên là name\_column1 và name\_column2 trong bảng có tên là name\_table.

**Chương 3: XÂY DỰNG WEBSITE**

## **KHẢO SÁT HỆ THỐNG**

### **Tổng quan về cửa hàng**

Cửa hàng “TuyDungStore” chuyên cung cấp các mặt hàng: điện thoại, laptop, ipad ,máy tính bảng, macbook …

Trên tiêu chí hoạt động của cửa hàng là làm sao phải giới thiệu và cung cấp thông tin những sản phẩm chất lượng phù hợp với nhu cầu và thu nhập của khách hàng. Việc giữ uy tín với khách hàng là phương châm hoạt động, phát triển thương hiệu của cửa hàng.

**Đánh giá hiện trạng**

Để xây dựng cửa hàng bán hàng công nghệ cần giải quyết nhiều vấn đề:

*Bố trí cửa hàng:* Chọn vị trí đã quan trọng nhưng bố trí cửa hàng sao cho bắt mắt, thu hút sự chú ý của khách hàng cũng là việc quan trọng không kém. Cần xây dựng cửa hàng sao cho phù hợp với quy mô của cửa hàng, trang trí làm sao để thể hiện đặc điểm đặc biệt, thương hiệu của cửa hàng.

*Sắp xếp sản phẩm:* Dựa vào không gian của cửa hàng, sắp xếp các mặt hàng một cách tối ưu nhất nhưng vẫn đảm bảo được việc dễ quan sát, thêm vào hay lấy ra.

*Hợp lý hóa việc chi tiêu vốn:*chi tiêu hợp lý trong việc thu mua sản phẩm mới, việc trả lương cho nhân viên

*Đầu tư về thời gian và công sức:* Thường xuyên tra cứu, tiếp cận thông tin trên Internet. Từ đó cập nhập được những sản phẩm mới phù họp với nhu cầu nguoief tiêu dùng

*Dịch vụ:* Khách hàng đôi khi muốn đóng góp ý kiến nhưng không muốn ra mặt trực tiếp để trao đổi qua số điện thoại của cửa hàng, nhân viên sẽ giải đáp các thắc mắc cho cửa hàng.

*Quản lý thống kê:* Đối tượng quản lý của cửa hàng là thông tin của người dùng, nhân viên, sản phẩm, đơn đặt hàng,… chủ yếu trên giấy tờ bất tiện cho việc sửa đổi, bổ sung, thậm chí có thể bị sai lệch thông tin.

### **Giải pháp khắc phục**

Hệ thống bán hàng trực tuyến hỗ trợ, bổ sung cho việc bán hàng trực tiếp, giúp việc bán hàng hiệu quả hơn, cụ thể:

* Tăng cường hoạt động quản lý, dựa trên hệ thống thông tin quản lý tin học.
* Hỗ trợ nhân viên, người chủ cửa hàng thực hiện các nghiệp vụ.
* Tiết kiệm chi phí thuê địa điểm, quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng.

## **PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG**

### **Đặt tả quy trình**

* *Quản lý người dùng:*

Khách hàng truy cập website có thể xem tất cả sản phẩm. Khách hàng mún mua hàng thì phải đăng nhập vào bằng tài khoản và mật khẩu. Nếu khách hàng chưa tạo tài khoản thì khách hàng sẽ vào trang đăng ký để tạo tài khoản cho mình. Trang đăng ký gồm những thông tin của khách hàng: họ tên , email, số điện thoại, địa chỉ. Thông tin của khách hàng sẽ được tạo và lưu vào cơ sở dữ liệu. Nếu đăng nhập không đúng thông tin mà khách hàng đã đăng ký thì hệ thống sẽ phản hồi lại bằng cách đưa ra một thông báo là tài khoản của bạn sai tên tài khoản hoặc mật khẩu. Sau khi đăng đăng vào khách hàng có thêm xem thông tin chi tiết sản phẩm đó, thêm sản phẩm đó vào giỏ hàng. Khách hàng cũng có thể xem qua đơn hàn của mình

* *Quản lý người quản trị:*

Người quản trị đăng nhập vào trang quản trị của website bằng tài khoản của admin.Nếu đăng nhập bằng tài khoản khách hàng hay tài khoản nhân viên thì hệ thống sẽ báo lỗi ngay và yêu cầu đăng nhập lại bằng tài khoản quản trị. Quản trị viên có các quyền sau đây: Thêm, sửa, xóa, tìm kiếm thông tin các sản phẩm, nhãn hiệu sản phẩm, danh mục san phẩm, slider website; Tạo tài khoản nhân viên, cấp quyền cho nhân viên, tạo tài khoản người dùng, xử lý các đơn hàng được đặt.

### **Giao diện màn hình mà mô hình phân cấp chức năng**

* **Sơ đồ phân cấp chức năng front-end**

X`

Hệ thống

Đặt hàng

Tìm kiếm

Xem thông tin

Đăng ký

Sản phẩm

Giỏ hàng

Sản phẩm

Đăng nhập

Loại sản phẩm

Loại sản phẩm

Chỉnh sửa thông tin

Hãng sản phẩm

Hãng sản phẩm

Chi tiết sản phẩm

Hình 3.1 Sơ đồ phân cấp chức năng front-end

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **stt** | **Chức năng** | Mô tả chức năng |
| 1 | Đăng ký | Khi chưa có tài khoản khách hàng, chúng ta sẽ đăng ký tài khoản với những thông tin cần thiết của khách hàng trên cơ sở dữ liệu: tên tài khoản, mật khẩu, họ tên, email, số điện thoại, địa chỉ |
| 2 | Đăng nhập | Khách hàng dùng tài khoản của mình được tạo trong cơ sở dữ liệu để đăng nhập vào website để xem thông tin của sản phẩm và để thực hiện việc mua sản phẩm… |
| 3 | Xem thông tin khách hàng | Sau khi đăng nhập tất cả thông tin mà khách hàng lưu trong cơ sở dữ liệu sẽ được hiện thị ra màn hình |
| 4 | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng | Khi khách hành bấm vào nút thêm vào giỏ hàng và điều chỉnh số lượng sản phẩm mình mún mua |
| 5 | Tìm kiếm sản phẩm | Tìm kiếm sản phẩm bằng cách nhập sản phẩm cần tìm vào khung tìm kiếm để tìm kiếm sản phẩm |
| 6 | Đặt hàng | Khách hàng đăng nhập vào hệ thống có thể đặt hàng các sản phẩm đã thêm vào giỏ hàng. Cho phép xem và hủy đơn hàng khi đơn hàng chưa được xác nhận hay xác nhận đã nhận được hàng khi đã nhận được hàng. |

* **Chức năng front-end**

Bảng 3.1 Chức năng front-end

* **Sơ đồ chức năng back-end**

Quản lý chức năng nghiệp vụ

Quản lý danh mục

Quản lý hệ thống

Thêm, sửa, xóa

Sản phẩm

Đăng nhập

Danh mục sản phẩm

Đặt hàng

Đăng xuất

H

Hãng sản phẩm

Xử lý đơn hàng

Đổi mật khẩu

Thống kê

Màu

**Hình 3.29 Sơ đồ phân cấp chức năng Back-end**

Hình 3.2 Sơ đồ phân cấp chức năng back-end

**Bảng 3.2 Mô tả chức năng back-end**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | CHỨC NĂNG | MÔ TẢ CHỨC NĂNG |
| 1 | Quản lý danh mục sản phẩm | Thêm, sửa , xóa thông tin của danh mục sản phẩm |
| 2 | Quản lý nhân viên | Thêm, sửa, xóa thông tin nhân viên và cấp quyền cho nhân viên |
| 3 | Quản ký khách hàng | Thêm, sửa, xóa thông tin khách hàng |
| 4 | Quản lý sản phẩm | Thêm, sửa, xóa thông tin của sản phẩm |
| 5 | Quản lý hãng sản phẩm | Thêm, sửa, xóa thông tin của hãng sản phẩm |
| 6 | Quản lý đơn đặt hàng | Thống kê số lượng đơn hàng và xem thử đơn hàng đó đã được giao hay còn đang đợi xử lý |
| 7 | Lịch sử đơn hàng | Xem, xóa lịch sử đơn hàng |
| 8 | Thống kê | Xem thống kê doanh thu |

**Các bảng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu**

* Bảng quản trị viên, nhân viên , khách hàng

**Bảng 3.3 Bảng quản trị nhân viên, khách hàng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | id | Mã | Khóa chính |
| 2 | username | Tên tài khoản |  |
| 3 | password | Mật khẩu |  |
| 4 | fullname | Họ tên |  |
| 5 | email | Email |  |
| 6 | phone | Số điện thoại |  |
| 7 | addresss | Địa chỉ |  |
| 8 | level | Phân quyền |  |

* Bảng danh mục sản phẩm

**Bảng 3.4 Bảng danh mục sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | catalog\_id | Mã danh mục | Khóa chính |
| 2 | catalog\_name | Tên danh mục |  |

* Bảng hãng sản phẩm

**Bảng 3.5 Bảng hãng sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | brand\_id | Mã hãng | Khóa chính |
| 2 | brand\_name | Tên hãng |  |

* Bảng sản phẩm

**Bảng 3.6 Bảng sản phẩm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | product\_id | Mã sản phẩm | Khóa chính |
| 2 | product\_name | Tên sản phẩm |  |
| 3 | catalog\_id | Mã danh mục | Khóa ngoại |
| 4 | brand\_id | Mã hãng | Khóa ngoại |
| 5 | price | Đơn giá |  |
| 6 | unit | Đơn vị |  |
| 7 | quantity | Số lượng |  |
| 8 | color\_id | Mã màu | Khóa ngoại |
| 9 | content | Mô tả |  |
| 10 | discount | Khuyến mãi |  |
| 11 | imge\_link | Hình ảnh |  |
| 12 | guarantee | Bảo hành |  |

* Bảng giỏ hàng

**Bảng 3.7 Bảng giỏ hàng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | cart\_id | Mã giỏ hàng | Khóa chính |
| 2 | product\_ | Mã sản phẩm | Khóa ngoại |
| 3 | price | Đơn giá |  |
| 4 | quantity | Số lượng |  |
| 5 | total | Tổng tiền |  |

* Bảng đơn hàng

**Bảng 3.8 Bảng đơn hàng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | order\_id | Mã đơn hàng | Khóa chính |
| 2 | acount\_id |  |  |
| 3 | product\_id | Mã sản phẩm | Khóa ngoại |
| 4 | quantity | Số lượng |  |
| 5 | price | Tổng tiền |  |
| 6 | status | Tình trạng |  |
| 7 | deleteorder | Hủy đơn hàng |  |
| 8 | date | Ngày đặt hàng |  |

* Bảng slider

**Bảng 3.9 Bảng slider**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | id\_image | Mã hình ảnh | Khóa chính |
| 2 | name\_image | Tên ảnh |  |
| 3 | image | Hình ảnh |  |

* Bảng màu

**Bảng 3.10 Bảng màu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | color\_id | Mã màu | Khóa chính |
| 2 | Color\_name | Tên màu |  |

* Bảng tin tức

**Bảng 3.11 Bảng tin tức**

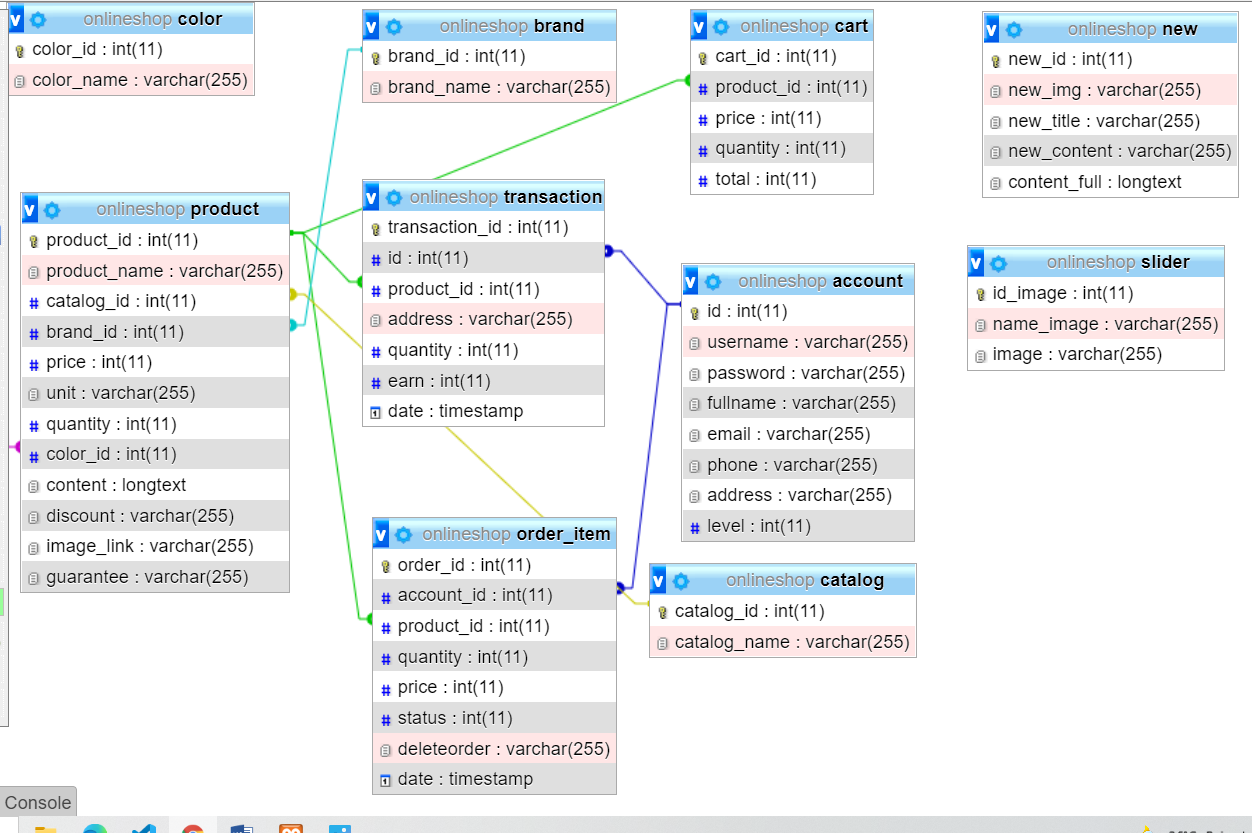
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | new\_id | Mã tin tức | Khóa chính |
| 2 | new\_img | Hình ảnh |  |
| 3 | new\_title | Tiêu đề |  |
| 4 | new\_content | Nội dung tóm tắt |  |
| 5 | content\_full | Nội dụng đầy đủ |  |

* Bảng lịch sử giao dịch

**Bảng 3.12 Lịch sử giao dịch**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | TÊN TRƯỜNG | GIẢI THÍCH | QUAN HỆ |
| 1 | transaction\_id | Mã lịch sử | Khóa chính |
| 2 | id | Mã khách hàng | Khóa ngoại |
| 3 | product\_id | Mã sản phẩm | Khóa ngoại |
| 4 | address | Địa chỉ |  |
| 5 | quantity | Số lượng |  |
| 6 | earrn | Tổng đơn |  |
| 7 | date | Ngày |  |

**Cơ sở dữ liệu**



Hình 3.3 Sơ đồ cở sở dữ liệu quan hệSơ đồ mức 0

Phản hồi thông tin đăng nhập

Thông tin đăng nhập

Website bán trang thiết bị điện tử

Thông tin sản phẩm

Khách hàng

Khách hàng

Thông tin đơn hàng

Thông tin đặt hàng

Kết quả tìm kiếm

Thông tin tìm kiếm

Phản hồi thông tin đặt hàng

Thông tin đăng nhập

Quản trị viên

Quản trị viên

Thông tin đơn hàng

Thông tin sản phẩm

Thông tin danh mục

Thông tin hãng

Phản hồi thông tin đăng nhập

Hình 3.4 Sơ đồ mức ngữ

Phản hồi thông tin đăng nhập

Quản trị viên

Thông tin tài khoản đăng nhập

Quản trị hệ thống

Thông tin đăng nhập

Tài khoản quản trị

Thông tin tài khoản quản trị

Thông tin tài khoản

Thông tin đăng nhập

Tài khoản khách hàng

Thông tin sản phẩm

Quản lý danh mục sản phẩm

Thông tin đăng ký khách hàng

Thông tin khách hàng

Thông tin danh mục

Thông tin danh mục

Danh mục sản phẩm phẩm

Thông tin sản phẩm

Thông tin hãng sản phẩm

Thông tin hãng sản phẩm

Sản phẩm

Phản hồi thông tin đăng ký khách hàng

Hãng sản phẩm

Thông tin tìm kiếm

Thông tin khách hàng

# `````````

Quản lý đặt hàng

Khách hàng

Thông tin đơn hàng

Đơn hàng

Thông tin giao dịch

Thông tin đặt hàng

Phản hồi thông tin đặt hàng

Lịch sử giao dịch

Thông tin giỏ hàng

Giỏ hàng

Kết quả tìm kiếm

Xác nhận đơn hàng

Thông tin khách hàng

Thông tin đơn hàng

Quản trị viên

Quản lý thống kê

Thông tin đơn hàng

Thông tin lịch sử giao dịch

Thống kê

Hình 3.5 Sơ đồ mức đỉnh

# Sơ đồ phân rã mức 1

# Sơ đồ phân rã mức 1 của tiến trình 1.0

Phản hồi thông tin đăng ký

Tài khoản quản trị

Thông tin đăng ký

Thông tin tài khoản

Quản lý đăng ký

Quản trị viên

Tài khoản khách hàng

Thông tin đăng ký

# 

Thông tin đăng ký

Thông tin đăng nhập

Thông tin đăng nhập

Thông tin tài khoản quản trị

Quản lý đăng nhập

Khách hàng

Thông tin tài khoản khách hàng

Phản hồi thông tin đăng nhập

Phản hồi thông tin đăng nhập

Hình 3.6 Phân rã tiến trình 1.0-Quản lý hệ thống

# Sơ đồ phân rã mức 1 của tiến trình 2.0

Thông tin danh mục

Thông tin danh mục sản phẩm

Quản trị viên

Thông tin hãng sản phẩm

Nhập thông tin

Sản phẩm

Danh mục

Thông tin sản phẩm

Hãng sản phẩm

Thông tin hãng

Thông tin danh mục

Thông tin sản phẩm

Sản phẩm

Thông tin hãng sản phẩm

Chỉnh sửa thông tin sản phẩm

Thông tin sản phẩm

Khách hàng

Kết quả tìm kiếm

Thông tin sản phẩm

Thông tin danh mục

Thông tin tìm kiếm

Thông tin hãng sản phẩm

Thông tin sản phẩm

Quản lý danh mục sản phẩm

Hình 3.7 Sơ đồ Quản lý danh mục

* Sơ đồ phân rã mức 1 của tiến trình 3.0

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng

Khách hàng

Giỏ hàng

Thông tin giỏ hàng

Quản lý giỏ hàng

Thông tin đơn hàng

Đơn hàng

Thông tin giỏ hàng

Tài khoản quản trị

Thông tin phản hồi đặt hàng

Quản trị viên

Quản lý đặt hàng

Tài hoản khách hàng

Thông tin đơn hàng

Xác nhận đơn hàng

Thông tin khách hàng

# Hình 3.8 Sơ đồ: Quản lý đặt hàng

* **Sơ đồ phân rã mức 1 của tiến trình 4.0**

Dữ liệu thống kê

Thống kê sản phẩm bán ra

Thông tin giao dịch

Thông tin bảng thống kê

Số lượng sản phẩm bán ra

Tổng doanh thu

Tổng hộp

# 

Lịch sử giao dịch

Thống kê doanh thu

Thông tin giao dịch

Thống kê tổng hợp

Số lượng khách hàng

# 

Tài khoản khách hàng

Quản trị viên

Thống kê số lượng khách hàng

Thông tin khách hàng

# Giao diện website

# Giao diện back-end

# Giao diện trang đăng nhập cho quản trị

# Quản trị viên sẽ đăng nhập tài khoản quản trị của mình. Nếu đăng nhập bằng tài khoản nhân viên hoăc khách hàng sẽ không vào được trang chủ quản trị

# 

# Hình 3.10 Giao diện trang đang nhập quản trị

# Giao diện trang chủ quản trị

# Giao diện trang chủ quản trị bao gồm các chức năng quản lý danh mục sản phẩm, quản lý và xử lý đơn đặt hàng của khách hành, cấp quyền quản trị cho nhân viên…

# Hình 3.11 Giao diện trang chủ quản trị

# Giao diện trang danh sách sản phẩm

# Giao diện này có thể xem tất cả sản phẩm có trong trang web và quản trị viên có thể thực hiện các chức năng nghiệp vụ như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm thông tin sản phẩm

# Hình 3.12 Giao diện trang danh sách sản phẩm

# Giao diện trang sửa thông tin sản phẩm

# Giao diện này quản trị viên có thể chỉnh sửa thông tin sản phẩm và nhấp chuột vào nút sửa

# 

# Hình 3.13 Giao diện trang sửa thông tin

# Giao diện trang tìm kiếm thông tin sản phẩm

# Giao diện này hiển thị thông tin sản phẩm mà ta muốn tìm khi ta nhập dữ liệu vào trên khung tìm kiếm

# Dữ liệu tìm kiếm được hiển thị ra dưới dạng bảng về thông tin của sản phẩm đó

# 

# Hình 3.14 Giao diện trang tìm kiếm sản phẩm

# Giao diện trang quản lý đơn hàng

# Giao diện này giúp quản trị có thể xem danh sách các đơn hàng mà khách hàng đã đặt mua, quản trị viên có thể thực hiện các chức năng nghiệp vụ như: xử lý đơn hàng,…

# 

# Hình 3.15 Giao diện trang xử lý đơn hàng

# Giao diện trang thông báo nhập hàng

# Giao diện này cho ta biết số lượng sản phẩm sắp hết, sẽ yêu cầu cho quản trị viên thực hiện chức năng nhập hàng

# Hình 3.16 Giao diện trang thông báo nhập hàng

# Giao diên trang lịch sửa giao dịch

# Giao diện này quản trị viên có thể xem lịch sử giao dịch, thông tin khách hàng

# 

# Hình 3.17 Giao diện trang lịch sử đơn hàng

# Giao diên quản lý nhân viên

# Giao diện này giúp quản trị viên biết được thông tin danh sách nhân viên, thêm, sửa , xóa và quản trị viên có thể thực hiện chức năng là thăng chức nhân viên lên làm quản trị

# 

# Hình 3.19 Giao diện trang quản lý nhân viên

# Giao diên trang quản lý khách hàng

# Giao diện này giúp quàn trị viên biết được thông tin danh sách khách hàng, quản trị viên có thể thực hiện các chức năng như thêm, sửa, xóa khách hàng

# 

# Hình 3.20 Giao diện trang quản lý khách hàng

# Giao diên trang danh mục sản phẩm

# Giao diện này giúp quản trị viên biết được danh sách danh mục sản phẩm và quản trị có thể thực hiện các chức năng như thêm sửa xóa danh mục sản phẩm

# Hình 3.21 Giao diện trang danh mục sản phẩm

# Giao diện trang Slider

# Giao diện này giúp quản trị viên xem danh dách các hình ảnh và có thể thực thi chức năng xóa hình ảnh

# Hình 3.22 Giao diện trang slider

# Giao diện front-end

# Giao diện trang chủ front-end

# Giao diện này khách hành có thể xem các sản phẩm của danh mục sản phẩm

# 

# Hình 3.22 Giao diện trang chủ front-end

# Giao diện trang chi tiết sản phẩm

# Giao diện này hiện thị chi tiết sản phẩm khi ta bấm vào xem chi tiết và hiển thị ra các sản phẩm khác tương tự sản phẩm mà chúng ta đang xem

# 

# Hình 3.23 Giao diện trang chi tiết sản phẩm

# Giao diện giỏ hàng

# Giao diện này khách hàng có thể xem dach sách sản phẩm đã có trong giỏ hàng và cập nhập số lượng sản phẩm

# Hình 3.23 Giao diện trang giỏ hàng

# Giao diện trang thanh toán đơn hàng

# Giao diện này hiện thị thông tin sản phẩm mà khách hàng đã cho vào vào giỏ như tên, số lượng, hình ảnh và giá tiền của sản phẩm

# Hình 3.24 Giao diện trang thanh toán đơn hàng

# Giao diện tìm kiếm sản phẩm

# Giao diện này sẽ hiển thị thông tin sản sản phẩm dưới dạng card khi khách hành nhập dữ liệu tìm kiếm vào khung tìm kiếm và bấm nút tìm kiếm

# 

# Hình 3.24 Giao diện tìm kiếm sản phẩm

# Chương 4: KẾT LUẬN

## **Hiện nay, công nghệ thông tin (CNTT) đang hiện diện và đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong quá trình quản trị, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Sự phát triển và ứng dụng của Internet đã làm thay đổi mô hình và cách thức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc chuyển dần các giao dịch truyền thống sang giao dịch điện tử đã ảnh hưởng đến vị trí, vai trò và cả nhu cầu của các bên hữu quan (khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư…) của doanh nghiệp.**

### **4.1.1 Những công việc đã làm được**

- Về lý thuyết: Biết thêm nhiều kiến thức, kỹ năng về Html5, Css3 và JavaScript. Thành thạo hơn về ngôn ngữ PHP và cơ sở dữ liệu MySql.

- Khảo sát hiện trạng tại cửa hàng: Tìm hiểu về các sản phẩm bán ra, phân loại sản phẩm, hoạt động mua bán của cửa hàng, nghiệp vụ của nhân viên và chủ cửa hàng,…

- Phân tích, thiết kế hệ thống để xây dựng website: Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu đáp ứng đủ những chức năng cơ bản cho website. Thiết kế sơ đồ luồng dữ liệu phục vụ cho việc cài đặt các chức năng cho website. Xây dựng giao diện website phù hợp với tiêu chí, bản sắc của cửa hàng.

- Xây dựng website cho cửa hàng với các chức năng:

*Đối với khách hàng:*

+ Các cách tìm kiếm, tra cứu theo các loại sản phẩm, thương hiệu sản phẩm và giá của sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

+ Xem chi tiết thông tin sản phẩm, tiến hành gửi đánh giá sản phẩm sau khi đã mua hàng.

+ Cho phép khách hàng đăng ký, đăng nhập, chỉnh sửa thông tin cá nhân để thực hiện mua sản phẩm.

+ Thêm sản phẩm vào giỏ hàng, cập nhật giỏ hàng.

+ Tạo đơn đặt hàng, hủy đơn hàng và xác nhận đã nhận hàng.

+ Thêm sản phẩm ưa thích.

*Đối với người quản trị:*

+ Xem, cập nhật, xóa các mục cần quản lý như: sản phẩm, danh mục sản phẩm, slider, tài khoản người dùng, tài khoản người quản trị,…

+ Xem danh sách, tình trạng các đơn hàng và xác nhận các đơn hàng.

+ Lưu lịch sử giao dịch để dễ dàng quản lý, thống kê.

+ Thống kê.

### **4.1.2 Khuyết điểm của đề tài**

- Báo cáo thống kê còn sơ sài, chưa xử lý thống kê theo ngày trong tháng và năm.

  - Dữ liệu dùng cho chương trình vẫn còn ít.

## 4.2 HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Tìm hiểu thêm về các ngôn ngữ để nâng cao giao diện đồ họa đẹp mắt, thân thiện hơn,…

- Thêm chức năng xem tin tức công nghệ và các khuyên mãi của cửa  hàng cho website.

- Liên kết với các ngân hàng để phát triển thêm hình thức thanh toán online.

- Thêm các chức năng tìm kiếm nâng cao.

  - Phát triển thêm hình thức tư vấn, giải đáp thắc mắc online cho khách hàng.

- Phát triển thêm quản lý giao hàng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Phạm Thị Thu Thúy, Bài giảng Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu SQL, ĐH Nha Trang.

[2] Nguyễn Đình Hoàng Sơn, Bài giảng Thiết kế Web, ĐH Nha Trang.

[3] Nguyễn Hải Triều, Bài giảng lập trình php, ĐH Nha Trang.

[4] Hà Thị Thanh Ngà, Bài giảng Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, ĐH Nha Trang.

[5] Hướng dẫn sử dụng HTML và CSS: <https://www.w3schools.com>.

[6] Hướng dẫn sử dụng thư viện Bootstrap 4: <https://getbootstrap.com/>